

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST;
Ngày: 18/01/2021.
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Bình, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 924/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 962/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1982.

Thường trú: 38/2 LVK, Tổ 57, Khu phố 7, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1979.

Thường trú: 104/4, ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

Tạm trú: 523/12/15 LVK, Tổ 55, Khu phố 5, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 24/9/2017 bà và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và chung sống với nhau. Hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau nữa do trong quá trình sống chung có quá nhiều mâu thuẫn mà cả hai không thể đi được đến tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã. Từ tháng 11/2019 ông T đã dọn ra ngoài sống riêng tại địa chỉ 523/12/15, Tổ 55, Khu phố 5, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó tới nay bà đã đi tìm nhiều lần rồi ông T có về nhà nhưng khoảng 10 ngày rồi lại tiếp tục đi, việc này lặp đi lặp lại nhiều lần, bà không còn kiên nhẫn với những việc ông T làm với bà. Nay bà xác định không còn tình cảm yêu thương và không muốn hàn gắn cũng như chung sống với ông T nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12 cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:**

Vào tháng 8/2019 ông và bà T có lời qua tiếng lại với nhau, ông có qua phòng trọ kế bên gần nhà chạy xe máy chừng 5 phút để cư trú ở đó. Ông đi nhưng cũng thường xuyên về thăm vợ. Do công việc của ông nhiều quá, ông làm nhân viên văn phòng và vừa học y học cổ truyền. Trước đó không đi học y học cổ truyền thì trưa ông về nhà ăn cơm và nghỉ ngơi cùng vợ. Do ông đi học ở Thủ Đức thì ông không về nhà ăn trưa cùng bà T.

Ông không có ý định bỏ vợ. Ông còn thương bà T. Không muốn ly hôn.

Trước đó ông sai thì nay ông muốn sửa sai làm lại từ đầu, lo cho bà T nhiều hơn. Ông sẽ làm ít lại, tiền thì ông sẽ đưa cho bà T như lúc mới cưới, vợ chồng thì ông không tính toán gì. Ông biết ông sai, ông sẽ về ở chăm sóc quan tâm bà T nhiều hơn. Ông mong muốn Quý Tòa hòa giải cho ông được đoàn tụ với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt.

Bị đơn trình bày ông chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện bà T phải trả lại tài sản đang giữ của ông cho ông theo như lời hứa của bà T. Ông xác định tại phiên tòa là giữa ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung, không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường HT, Quận 12 (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98).

Theo lời bà T trình bày thì trong cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và hai bên không thể hòa giải được với nhau. Đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, ông T đang trong thời kỳ hôn nhân nhưng lại đi thuê trọ nơi khác ở, không chung sống cùng với bà. Mỗi lần bà tìm kiếm ông về ở chung được vài ngày sau đó ông lại đi tiếp, tình trạng như vậy thường xuyên diễn ra.

Theo ông T trình bày thì trong cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T thì thoảng có cãi vã nhau nhưng không lớn. Do hai người mâu thuẫn nên ông thuê phòng trọ gần chỗ ở của bà T. Tuy ông đi nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm bà T. Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương bà T.

Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì chính quyền địa phương không rõ vấn đề mâu thuẫn của bà T và ông T. Nhưng hiện nay hai ông bà đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T đã thực sự có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù ông T muốn quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T được hàn gắn nhưng chính bản thân bà T lại không muốn hàn gắn, bà không còn thiết tha gì cuộc sống hôn nhân với ông T và không muốn tiếp tục chung sống với ông T nữa. Trong quá trình Tòa án dành thời gian cho ông bà về tự hòa giải thì cả hai vẫn sống riêng, không thể hàn gắn được. Bà T có

làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T nữa, bà xin được xét xử vắng mặt bà. Từ đó Hội đồng xét xử không thể hàn gắn được quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T và cho dù có kéo dài thêm quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T cũng không thể làm cho cuộc sống vợ chồng của ông bà được hạnh phúc. Tại phiên tòa, ông T trình bày rằng ông chỉ đồng ý ly hôn khi mà bà T trả tài sản riêng của ông mà bà đang giữ cho ông. Hội đồng xét xử đề nghị ông trình bày bà T đang giữ gì của ông nhưng ông nói đó là chuyện riêng của ông và bà T, ông không thể trình bày tại phiên tòa được và ông cũng xác định rõ ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử cho rằng đây là chuyện riêng của ông và bà T như ông đã trình bày. Sau này ông T có muốn khởi kiện bà T thì khởi kiện bằng một vụ án khác. Xét thấy, thực sự ông T cũng không còn tình cảm với bà T và ông bà đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng trong hôn nhân. Nên việc bà T xin ly hôn ông T là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về con chung: Không có.

*Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 35, 131, 179, 199, 202, 208, 236, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105191 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương